

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG  
TỈNH LÀO CAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23 tháng 02 năm 2024  
V/vLy hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG - TỈNH LÀO CAI

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Hải Quân.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Tần Thị Thanh và bà Trương Thị Bình.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Giàng Mạnh Vàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai* tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Lù D**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị **Giàng Thị D1**, Sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**, (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2023 và bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh **Lù D** trình bày:

Anh và chị **Giàng Thị D1**, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai** theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 - 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Chị **D1** đi làm công nhân, ít ở nhà với chồng con nên

tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt được kết quả. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015. Khi ly hôn anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu **Lù Thị C** và **Lù Văn P** đến tuổi trưởng thành. Anh **D** không yêu cầu chị **D1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị **Giàng Thị D1** đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh của trưởng thôn và lấy lời khai của người làm chứng tại địa phương nơi chị **D1** sinh sống thì được biết: Anh **Lù D** và anh chị **Giàng Thị D1** đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống, chị **D1** bỏ nhà đi làm ở nơi khác, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Tòa án đã tiến hành niêm yết các giấy triệu tập đối với chị **D1** để Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng chị **D1** đều vắng mặt.

Tòa án đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **D1** không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và niêm yết tại địa phương theo quy định.

Tại phiên tòa, anh **Lù D** vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị **D1** vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện **sát nhân dân huyện M** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **L** Đình được ly hôn chị **Giàng Thị D1**.

Về con chung: Giao các cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị **Giàng Thị D1** có hộ khẩu thường trú tại **thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai** nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh **L** Đình vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị **Giàng Thị D1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

#### **[2]. Về nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai** theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** là hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **L** Đình đối với chị **Giàng Thị D1** là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** có 02 người con chung là cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015. Anh **Lù D** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu **Lù Thị C** và **Lù Văn P** đến tuổi trưởng thành. Anh **D** không yêu cầu chị **D1** cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu **Lù Thị C** và cháu **Lù Văn P**, nguyện vọng của các cháu là được ở với bố vì mẹ là chị **D1** đi làm ăn xa thì thoảng mới về nhà, vài ngày rồi lại đi. Anh **Lù D** khai có mức thu nhập hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng cũng như tại biên bản xác minh ngày 02/11/2023 chính quyền địa phương xác nhận anh **Lù D** có mức thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng.

Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị **D1** cũng không đưa ra bất cứ ý kiến hay chứng cứ gì về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu nên giao các cháu **Lù Thị C** và cháu **Lù Văn P** cho anh **D** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1, 3 Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, do anh **D** không yêu cầu chị **D1** cấp dưỡng nuôi con và cũng không có chứng cứ chứng minh mức thu nhập của chị **D1** nên chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh **Lù D** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; khoản 1, 2 Điều 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủyban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Lù D**; Xử cho anh **L** Đình được ly hôn chị **Giàng Thị D1**.

2. *Về con con chung:* Giao các cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị **Giàng Thị D1** có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị **D1** thực hiện quyền này.

3. *Về án phí:* Anh **Lù D** phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án Ký hiệu AC-21P số 0006710, ngày 27 tháng 10 năm 2023.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện MK, VKSND tỉnh Lào Cai;
- Chi cục THADS huyện Mường Khương;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

-UBND xã Tả Thàng, huyện MK;  
-Lưu HS, TA.

## Đặng Hải Quân

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Mường Khương, ngày 23 tháng 02 năm 2024*

### BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 23/02/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai. Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Hải Q.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Tân Thị T** và bà **Trương Thị B.**

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27/10/2023/TLST-HNGĐ, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Anh **Lù D**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

**Bị đơn:** Chị **Giàng Thị D1**, Sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**, (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

*Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các qui định của pháp luật.*

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về Hôn nhân gia đình “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Biểu quyết : 3/3 = 100%.

2. Về tố tụng: Các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại **huyện M** nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung và xử vắng mặt các đương sự.

Biểu quyết 3/3 = 100%

### 3. Về kết quả giải quyết vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại **UBND xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**. Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra giữa hai vợ chồng là do vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Anh chị đã sống ly thân không có quan hệ gì về kinh tế và tình cảm. Vì vậy cần phải xử cho anh **L** Đình được ly hôn chị **Giàng Thị D1** là phù hợp.

*Về con chung:* Nguyên vọng của anh **D2** tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015 đến tuổi trưởng thành. Nguyên vọng của cháu **Lù Thị C** và cháu **Lù Văn P** đề nghị được ở với bố. Thu nhập bình quân của anh **D** là 2.000.000 đồng/tháng. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần cũng như đảm bảo việc học tập của cháu ổn định, cần giao cháu **Lù Thị C** và cháu **Lù Văn P** cho anh **D** nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp, chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

*Về tài sản chung và nợ chung:* Do nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết.

*Về án phí:* Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Anh **L** Đình phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0006710, ngày 27 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.

Biểu quyết 3/3 = 100%

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Biểu quyết 3/3=100%.

Nghị án kết thúc hồi 09 giờ 10 phút, ngày 23/02/2024. Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Tân Thị Thanh Trương Thị Bình**

**Đặng Hải Quân**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2024/HNGĐ-ST  
Ngày 23 tháng 02 năm 2024  
V/vLy hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG -TỈNH LÀO CAI**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Đặng Hải Q.**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Tân Thị T** và bà **Tân Thị T.**
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Giàng Mạnh V** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai* tham gia phiên tòa: Ông **Hoàng Đức Q1**-Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, Tòa án nhân dân huyện Mường Khương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2023/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 11 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Lù D**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**, (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*Bị đơn:* Chị **Giàng Thị D1**, Sinh năm 1995.

Địa chỉ: **Thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai**, (vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 10 năm 2023 và bản tự khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh **Lù D** trình bày:

Anh và chị **Giàng Thị D1**, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2012 đến năm 2014 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, đến năm 2018 - 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau. Chị **D1** đi làm công nhân, ít ở nhà với chồng con nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không đạt được kết quả. Vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 người con chung là cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015. Khi ly hôn anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu **Lù Thị C** và **Lù Văn P** đến tuổi trưởng thành. Anh **D** không yêu cầu chị **D1** cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị **Giàng Thị D1** đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh của trưởng thôn và lấy lời khai của người làm chứng tại địa phương nơi chị **D3** sống thì được biết: Anh **Lù D4** anh chị **Giàng Thị D1** đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật năm 2014. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là do vợ chồng không hợp nhau trong cuộc sống, chị **D1** bỏ nhà đi làm ở nơi khác, thỉnh thoảng về nhà rồi lại đi, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Tòa án đã tiến hành niêm yết các giấy triệu tập đối với chị **D1** để Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng chị **D1** đều vắng mặt.

Tòa án đã ra thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị **D1** không có mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án đã thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và niêm yết tại địa phương theo quy định.

Tại phiên tòa, anh **Lù D5** mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, anh đề nghị giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Chị **D6** mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Khương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định, việc chấp hành pháp luật của bị đơn là chưa đúng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện **sát nhân dân huyện M** đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 4



Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **L** Đình được ly hôn chị **Giàng Thị D1**.

Về con chung: Giao các cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xử lý.

Tuyên án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### [1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn chị **Giàng Thị D7** hộ khẩu thường trú tại **thôn C, xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai** nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Khương quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh **L** Đình vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, chị **Giàng Thị D1** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

#### [2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đủ căn cứ xác định: Anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** tự nguyện đăng ký kết hôn tại **UBND xã T, huyện M, tỉnh Lào Cai** theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** là hợp pháp. Tuy nhiên hai bên chỉ chung sống được với nhau thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm, không hợp nhau về mọi mặt. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa hai bên chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh **L** Đình đối với chị **Giàng Thị D8** có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2]. Về con chung: Quá trình chung sống anh **Lù D** và chị **Giàng Thị D1** có 02 người con chung là cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015. Anh **Lù D** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc,

giáo dục các cháu **Lù Thị C** và **Lù Văn P** đến tuổi trưởng thành. Anh **D** không yêu cầu chị **D1** cấp dưỡng nuôi con. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến của cháu **Lù Thị C** và cháu **Lù Văn P**, nguyện vọng của các cháu là được ở với bố vì mẹ là chị **D1** đi làm ăn xa thì thoảng mới về nhà, vài ngày rồi lại đi. Anh **Lù D** khai có mức thu nhập hàng tháng là 2.000.000 đồng/tháng cũng như tại biên bản xác minh ngày 02/11/2023 chính quyền địa phương xác nhận anh **Lù D** có mức thu nhập khoảng 2.000.000 đồng/tháng.

Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, chị **D9** không đưa ra bất cứ kiến hay chứng cứ gì về việc nuôi con. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định, lợi ích mọi mặt của các cháu nên giao các cháu **Lù Thị C** và cháu **Lù Văn P** anh **D10** tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ theo Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, do anh **D** không yêu cầu chị **D1** cấp dưỡng nuôi con và cũng không có chứng cứ chứng minh mức thu nhập của chị **D1** nên chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4]. Về án phí: Anh **Lù D** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh **Lù D**; Xử cho anh **L** Đình được ly hôn chị **Giàng Thị D1**.

2. *Về con con chung:* Giao các cháu **Lù Thị C**, sinh ngày 05/4/2013 và cháu **Lù Văn P**, sinh ngày 01/02/2015 cho anh **D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị **D1** không phải cấp dưỡng nuôi con.

*Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. *Về án phí:* Anh **L** Đình phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0006710, ngày 27 tháng 10 năm 2023.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trương Thị Bình**

**Tân Thị Thanh**

**Đặng Hải Quân**